

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/DS-ST

Ngày: 28-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Quang Độ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lại Ngọc Hà
2. Bà: Hồ Thị Lan

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Minh Thương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2017/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2017/QĐST-DS ngày 12/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, địa chỉ: Tầng 8, văn phòng số L8-01-11+16 tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn và số 45A Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Thanh D, Trú tại: Tổ 3, khu 1, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Quảng Ninh – Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – chi nhánh Quảng Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo giấy ủy quyền số 01B/2017/EIBQN-UQ ngày 01/5/2017).

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Trọng K, sinh năm 1983 và chị Lê Thị P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 35, khu 4, phường Cao Thắng, TP Hạ Long, Quảng Ninh.

Đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2017 và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Ngô Thanh D trình bày:

Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh (Viết tắt là Ngân hàng Eximbank) và anh Đoàn Trọng K, chị Lê Thị P đã ký hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201601061 ngày 23/12/2016 theo đó: số tiền vay là 430.000.000 đồng, mục đích vay: bù đắp tiền mua xe ô tô tải (pickup cabin kép), thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên; Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi: Nợ gốc được trả tối đa không quá 36 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 01 tháng, số tiền phải trả mỗi kỳ là 11.950.000 đồng. Kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 10/02/2017, kỳ trả cuối cùng là ngày 23/12/2019, vào kỳ trả nợ gốc cuối cùng khách hàng phải trả hết nợ gốc còn lại của khoản vay; kỳ trả lãi hàng tháng vào ngày mùng 10; kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 10/02/2017, kỳ trả lãi cuối cùng là ngày 23/12/2019; Lãi suất cho vay 12 tháng đầu: 09%/năm (lãi suất cố định), từ tháng thứ 13 trở đi LSTK 13T+ 3,5% (chu kỳ thay đổi lãi suất 1 tháng/lần; lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 23/12/2016 Ngân hàng Eximbank đã giải ngân và anh K, chị P đã nhận nợ theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201601423 ngày 23/12/2016 với số tiền 430.000.000 đồng

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, anh K, chị P đã thế chấp tài sản là xe ô tô biển kiểm soát 14C-083.77 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 02900 do Phòng cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Quảng Ninh đăng ký lần đầu ngày 16/01/2014, đăng ký thay đổi ngày 21/12/2016 đứng tên chủ sử dụng là anh Đoàn Trọng K. Việc thế chấp theo Hợp đồng thế chấp 161/EIB-TDCN/TC/16 ngày 23/12/2016. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh Đoàn Trọng K còn đề nghị và Ngân hàng Eximbank đã phát hành thẻ tín dụng của Eximbank theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016 với các thông tin: Loại thẻ: Eximbank – Visa vàng, số tài khoản thẻ 190024849018504, hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng, dư nợ thẻ tín dụng: 47.753.964 đồng, thời hạn hiệu lực thẻ: tháng 3/2019, tài sản bảo đảm: tín chấp.

Quá trình thực hiện các hợp đồng trên ngày 13/02/2017 anh K, chị P đã trả Ngân hàng đối với hợp đồng tín dụng được 11.950.000 đồng tiền gốc và 5.273.426 đồng tiền lãi. Nhưng từ ngày 10/3/2017 anh K, chị P không trả gốc và lãi, anh K, chị P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng Eximbank như đã thỏa

thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Còn đối với thẻ tín dụng thì sau khi có sao kê số tiền phải nộp đối với thẻ nhưng anh K cũng không nộp theo cam kết trong Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế kèm theo Hợp đồng sử dụng kiêm đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế. Ngân hàng Eximbank đã nhiều lần yêu cầu anh K, chị P đến làm việc, yêu cầu thanh toán nợ nhưng đến nay anh K, chị P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày 28/9/2017, anh K, chị P còn nợ ngân hàng tổng số tiền là: 501.653.417 đồng, cụ thể:

- Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201601061 ngày 23/12/2016 số tiền nợ gốc: 418.050.000 đồng, số tiền lãi trong hạn 24.046.840 đồng; số tiền lãi quá hạn: 1.142.720 đồng;

- Đối với dư nợ thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016, số tiền nợ gốc: 47.753.964 đồng, số tiền lãi: 10.659.893 đồng.

Do đó, Ngân hàng Eximbank khởi kiện yêu cầu: Anh K, chị P phải thanh toán cho Ngân hàng Eximbank số tiền tính đến ngày 28/9/2017 là: 501.653.417 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/9/2017 cho đến khi anh K, chị P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Eximbank theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trong trường hợp anh K, chị P không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng Eximbank. Nếu giá trị tài sản phát mại không đủ để thanh toán nợ thì anh K, chị P tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chỉ buộc anh K phải thanh toán số tiền đối với dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 28/9/2017 là 58.413.857 đồng, trong đó nợ gốc: 47.753.964 đồng, số tiền lãi 10.659.893 đồng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016, trong tổng số tiền 501.653.417 đồng. Và đề nghị chấm dứt các hợp đồng trên.

Đối với bị đơn là anh Đoàn Trọng K và chị Lê Thị P, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý cho bị đơn. Sau đó Tòa án đã gửi giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án, không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các thủ tục tố tụng và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bị đơn:

[1.1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – Ngân hàng Eximbank khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn – anh Đoàn Trọng K, chị Lê Thị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó việc Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tại Biên bản xác minh ngày 07/8/2017 bà Nguyễn Thị T (mẹ anh K) cung cấp thông tin anh K và chị P hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 35, khu 4, phường Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh, chị P hiện tại vẫn cư trú tại địa chỉ trên còn anh Khôi hiện đang đi làm ăn xa, không cho gia đình biết địa chỉ hiện nay của anh ở đâu. Việc anh Đoàn Trọng K thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho ngân hàng biết là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với ngân hàng nên việc Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho đương sự theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn – anh K, chị P. Tuy nhiên bị đơn không có phản hồi, không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn là thể hiện việc cố tình không chấp hành pháp luật. Do vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án, đúng quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 và các quy định khác có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Việc ký kết các hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201601061 ngày 23/12/2016, Hợp đồng thế chấp 161/EIB-TDCN/TC/16 ngày 23/12/2016 giữa Ngân hàng Eximbank với anh Đoàn Trọng K, chị Lê Thị P, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng

thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016 giữa Ngân hàng Eximbank với anh Đoàn Trọng K là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, đối với hợp đồng thế chấp đã đăng ký việc thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các hợp đồng trên, các bên đương sự tự nguyện ký kết theo sự thỏa thuận của các bên, các hợp đồng đã có hiệu lực và đã được các bên triển khai thực hiện.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu của Ngân hàng Eximbank yêu cầu anh K, chị P phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 28/9/2017 là: 501.653.417 đồng và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí khác phát sinh từ ngày 29/9/2017 cho đến khi anh K, chị P thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ khoản nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chỉ buộc anh K phải thanh toán số tiền đối với dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 28/9/2017 là 58.413.857 đồng: trong đó nợ gốc: 47.753.964 đồng, số tiền lãi 10.659.893 đồng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016, trong tổng số tiền 501.653.417 đồng thì thấy:

[2.2.1] Đối với hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201601061 ngày 23/12/2016: Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng Eximbank đã giải ngân số tiền theo hợp đồng là 430.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201601423 ngày 23/12/2016. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng anh K, chị P đã không trả nợ gốc và lãi theo đúng lịch trả nợ đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ, cụ thể: Trả nợ gốc mỗi kỳ là 11.950.000 đồng. kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 10/02/2017; kỳ trả lãi hàng tháng vào ngày mùng 10; kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 10/02/2017. Sau khi ký kết hợp đồng anh K và chị P đã trả gốc và lãi được một kỳ đầu tiên vào ngày 13/02/2017 với số tiền 11.950.000 đồng tiền gốc và 5.273.426 đồng tiền lãi. Nhưng từ kỳ thứ 2 vào ngày 10/3/2017 anh K và chị P không trả gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Mặc dù Ngân hàng Eximbank đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng anh K, chị P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đến nay anh K và chị P cũng không trả thêm được khoản gốc và lãi nào. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án cũng đã gửi, niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh K, chị P để hòa giải vấn đề tranh chấp giữa các bên tuy nhiên anh K, chị P không đến làm việc thể hiện việc không hợp tác giải quyết khoản nợ. Việc anh K, chị P không trả nợ cho Ngân hàng Eximbank là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 473 Bộ luật dân sự năm 2005 thì bên cho vay “Không được yêu cầu bên vay trả lại tài sản trước hạn, trừ trường hợp quy

định tại Điều 478 của Bộ luật này”. Theo hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201601061 ngày 23/12/2016 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201601423 ngày 23/12/2016 thì thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày 23/12/2016 đến ngày 23/12/2019. Như vậy khoản vay của anh K, chị P chưa đến thời hạn trả hết toàn bộ khoản vay nên Ngân hàng Eximbank không có quyền thu hồi nợ trước hạn. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 424 Bộ luật dân sự 2005 về “Chấm dứt hợp đồng dân sự” thì Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau đây “2. Theo thỏa thuận của các bên”. Theo thỏa thuận giữa Ngân hàng Eximbank với anh Khôi chị Phượng tại điểm f, khoản 9.1 Điều 9 của hợp đồng tín thì Eximbank có quyền “Không tiếp tục giải ngân, thu hồi nợ trước hạn hoặc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trước hạn tất cả các khoản nợ vay chưa thanh toán của khách hàng trong các trường hợp sau:

Khách hàng và (hoặc) bên bảo đảm (nếu có) vi phạm Hợp đồng tín dụng, vi phạm Hợp đồng bảo đảm hoặc bất cứ thỏa thuận, cam kết nào với Eximbank...”

Như vậy, do anh K, chị P không trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Eximbank theo cam kết trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nên Ngân hàng Eximbank có quyền chấm dứt hợp đồng và thu hồi nợ trước hạn.

Vì vậy, việc Ngân hàng Eximbank yêu cầu Tòa án buộc anh K, chị P phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng trên đến ngày 28/9/2017 là 443.239.560 đồng, trong đó: Nợ gốc 418.050.000 đồng và tiền lãi trong hạn 24.046.840 đồng, lãi quá hạn 1.142.720 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn trên, Hội đồng xét xử thấy Ngân hàng Eximbank đã tính đúng và đủ theo lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đồng thời cần buộc bị đơn tiếp tục phải trả lãi các khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 29/9/2017 cho đến khi anh Khôi, chị Phượng thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ khoản nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

[2.2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng Eximbank buộc anh K phải thanh toán số tiền đối với dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 28/9/2017 là 58.413.857 đồng: trong đó nợ gốc: 47.753.964 đồng, số tiền lãi 10.659.893 đồng theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016 thì thấy:

Việc ký kết Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016 chỉ là giữa anh Đoàn Trọng K với Ngân hàng Eximbank, chị P không ký kết văn bản này. Nhưng Ngân hàng khởi kiện buộc cả chị P phải trả cả số tiền này mà không đưa ra được căn cứ nào chứng minh anh Khôi sử dụng số tiền này vào mục đích nhu cầu thiết yếu của gia đình, nên không có căn cứ buộc chị Lê Thị P phải có trách nhiệm trả số tiền nợ đối với thẻ

tín dụng cùng với anh K. Nhưng tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu buộc anh K phải thanh toán số tiền đối với dư nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 28/9/2017, yêu cầu này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận. Vì vậy, cần buộc anh K phải trả số tiền trên cho Ngân hàng là có căn cứ.

Theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016 thì hiệu lực thẻ đến tháng 3 năm 2019. Như vậy thời hạn thẻ chưa đến thời hạn hết hiệu lực nên Ngân hàng Eximbank không có quyền thu hồi nợ trước hạn. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 424 Bộ luật dân sự 2005 về “Chấm dứt hợp đồng dân sự” thì Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau đây “2. Theo thỏa thuận của các bên”. Theo thỏa thuận giữa Ngân hàng Eximbank với anh K tại Điều 9 của Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế kèm theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016 thì Eximbank có quyền thu hồi nợ trước hạn: “...kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu Chủ thẻ không thanh toán đầy đủ toàn bộ dư nợ trên sao kê...”

Như vậy, do anh K không thanh toán đầy đủ toàn bộ dư nợ trên sao kê cho Ngân hàng Eximbank theo cam kết nên Ngân hàng Eximbank có quyền chấm dứt đối với Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016 và thu hồi nợ trước hạn.

Về lãi suất đối với thẻ tín dụng Quốc tế trên thì thấy: Theo bảng lãi sao kê thẻ khách hàng Đoàn Trọng K của Ngân hàng Eximbank đối với thẻ tín dụng Quốc tế là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201601061 ngày 23/12/2016, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201601423 ngày 23/12/2016, Hợp đồng thế chấp 161/EIB-TDCN/TC/16 ngày 23/12/2016, Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016 Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Eximbank là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 7 Điều 351; các Điều 355; 424; 426; 471; 474 của Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam đối với anh Đoàn Trọng K và chị Lê Thị P.

Tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201601061 ngày 23/12/2016; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201601423 ngày 23/12/2016 và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016 chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 28/9/2017.

Buộc anh Đoàn Trọng K, chị Lê Thị P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền còn nợ tính đến ngày 28/9/2017 theo hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201601061 ngày 23/12/2016 là 443.239.560 đồng (Bốn trăm bốn mươi ba triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi đồng) trong đó: Nợ gốc 418.050.000 đồng và tiền lãi trong hạn 24.046.840 đồng, lãi quá hạn 1.142.720 đồng.

Buộc anh Đoàn Trọng K phải trả cho Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam số tiền nợ đối với thẻ tín dụng Quốc tế Eximbank Visa Vàng tính đến ngày 28/9/2017 theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016 là 58.413.857 đồng (Năm mươi tám triệu, bốn trăm mười ba nghìn, tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) trong đó tiền nợ gốc 47.753.964 đồng, nợ lãi 10.659.893 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Đoàn Trọng K và chị Lê Thị P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201601061 ngày 23/12/2016 và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1900-LDS-201601423 ngày 23/12/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh Khôi, chị Phượng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Đoàn Trọng K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số 957/EIB/TTD ngày 10/3/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi theo biểu phí phát hành và sử dụng thẻ của

Ngân hàng phát hành mà anh K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp 161/EIB-TDCN/TC/16 ngày 23/12/2016 để đảm bảo thi hành án. Nếu anh Đoàn Trọng K và chị Lê Thị P không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Buộc anh Đoàn Trọng K và chị Lê Thị P phải liên đới chịu 21.730.000 đồng (Hai mươi một triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Buộc anh Đoàn Trọng K phải chịu 2.921.000 đồng (Hai triệu, chín trăm hai mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam 11.490.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001072 ngày 06/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Độ